

Số: 30/2015/TT-BCT

Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2015

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH MỨC CHI PHÍ LẬP, THẨM ĐỊNH, CÔNG BỐ, ĐIỀU CHỈNH VÀ QUẢN LÝ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG VÀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THỦY ĐIỆN VỪA VÀ NHỎ

Căn cứ [Luật Điện lực số 28/2004/QH11](#) ngày 03 tháng 12 năm 2004; [Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực số 24/2012/QH13](#) ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số [95/2012/NĐ-CP](#) ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số [137/2013/NĐ-CP](#) ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của [Luật Điện lực](#) và [Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực](#);

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Năng lượng,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định phương pháp xác định mức chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh và quản lý Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Thông tư này quy định phương pháp xác định mức chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh và quản lý Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.
- Việc xác định chi phí lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh và quản lý Quy hoạch sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác được khuyến khích áp dụng các quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh và quản lý Quy hoạch.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm Hợp phần Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV và Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110 kV.
- Hợp phần Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV (sau đây gọi tắt là Hợp phần 1) gồm quy hoạch các nguồn trạm biến áp 220 kV cấp điện cho tỉnh, quy hoạch lưới điện 110 kV, các nguồn điện vừa và nhỏ, tổng khối lượng (tính bằng km) các đường dây trung áp, tổng dung lượng (tính bằng kVA) các trạm biến áp phân phối.
- Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110 kV (sau đây gọi tắt là Hợp phần 2) gồm quy hoạch chi tiết lưới điện trung áp sau các trạm 110 kV cho các huyện, quận, thị xã trực thuộc tỉnh, danh mục các trục đường dây trung áp, danh mục các trạm biến áp trung áp.
- Quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ là quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ các tỉnh có quy mô công suất từ 50 MW trở xuống.

Điều 4. Nguyên tắc xác định chi phí

- Mức chi phí quy định trong Thông tư này là mức tối đa, làm căn cứ xác định chi phí cho việc lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh và quản lý Quy hoạch.
- Trường hợp mức lương cơ sở thay đổi theo quy định pháp luật, mức chi phí lập Quy hoạch được xác định điều chỉnh tương ứng theo hệ số K (hệ số điều chỉnh theo mức lương cơ sở được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này).
- Định mức chi phí quy định tại Thông tư này đã bao gồm các khoản chi phí sau:
 - Chi phí nhân công lập Quy hoạch;

- b) Chi phí quản lý của đơn vị tư vấn Quy hoạch;
- c) Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, khấu hao máy móc thiết bị;
- d) Chi phí phục vụ hội nghị, cuộc họp, báo cáo;
- đ) Chi phí đánh giá môi trường chiến lược của đề án Quy hoạch (nội dung đánh giá môi trường chiến lược là một phần của đề án Quy hoạch);
- e) Chi phí đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ của đơn vị tư vấn;
- g) Chi phí các loại bảo hiểm (xã hội, y tế, thất nghiệp, trách nhiệm nghề nghiệp);
- h) Thu nhập chịu thuế tính trước của đơn vị tư vấn theo quy định.

4. Các chi phí chưa bao gồm trong định mức chi phí Quy hoạch:

- a) Các chi phí liên quan đến công tác phí;
- b) Chi phí khảo sát, đo vẽ, mua bản đồ và tài liệu điều tra cơ bản;
- c) Chi phí thỏa thuận địa điểm xây dựng Quy hoạch;
- d) Thuế giá trị gia tăng.

Các chi phí quy định tại Khoản 4 Điều này phải được lập dự toán trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được cấu thành trong hồ sơ dự toán lập Quy hoạch.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Xác định mức chi phí lập quy hoạch

1. Mức chi phí lập Quy hoạch được xác định trên cơ sở định mức chi phí quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và quy mô công suất, khối lượng Quy hoạch theo công thức sau:

G =

Trong đó:

- a) G: Mức chi phí lập Quy hoạch.
- b) C_{q_i}: Định mức chi phí theo danh mục của công trình thứ i (đồng/đơn vị) được xác định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.
- c) N_i: Công suất, dung lượng, khối lượng của loại công trình thứ i (kVA, MW, km).
- d) i = 1,2,3... n: các loại sản phẩm lập quy hoạch theo danh mục định mức.
- đ) K: Hệ số điều chỉnh theo mức lương cơ sở được quy định tại Phụ lục V Thông tư này.

2. Định mức chi phí Quy hoạch tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này được lập cho các danh mục sản phẩm chủ yếu trong hồ sơ Quy hoạch. Trường hợp khi lập Quy hoạch có các nội dung sản phẩm có đặc điểm riêng chưa được quy định hoặc chưa phù hợp với nội dung Thông tư, chủ đầu tư và đơn vị tư vấn lập dự toán chi phí trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Các hệ số điều chỉnh định mức chi phí Quy hoạch

- 1. Hệ số điều chỉnh định mức chi phí Quy hoạch theo chiều dài đường dây điện và khối lượng các trạm biến áp trung áp được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.
- 2. Đối với đường dây điện có nhiều mạch, từ mạch thứ hai trở đi, định mức chi phí được tính bằng định mức tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này nhân với hệ số 0,5.
- 3. Đối với các trạm biến áp cao áp có nhiều hơn 2 máy, từ máy thứ hai trở đi, định mức chi phí được tính bằng định mức tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này nhân với hệ số 0,5.
- 4. Đối với các công trình đường dây điện cáp ngầm, định mức chi phí được tính bằng định mức tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này

nhân hệ số 1,05.

5. Đối với các đề án Quy hoạch lập tại các vùng hải đảo, khu vực miền núi đặc biệt khó khăn theo quy định, định mức chi phí được tính bằng định mức tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này nhân hệ số 1,1.

6. Định mức đối với các công trình cải tạo, mở rộng:

a) Đối với trạm biến áp, định mức chi phí được tính bằng 30% định mức chi phí xây dựng mới trạm biến áp có cấp điện áp và quy mô tương ứng.

b) Đối với đường dây, định mức chi phí được tính bằng 40% định mức chi phí xây dựng mới đường dây có cấp điện áp và chiều dài tương ứng.

7. Đối với khối lượng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp 220 kV và 110 kV trong đề án Quy hoạch giai đoạn trước đã được phê duyệt nhưng chưa được thực hiện, chuyển sang để tính toán, lập Quy hoạch giai đoạn tiếp theo thì định mức chi phí được tính bằng định mức chi phí xây dựng mới tương ứng nhân với hệ số 0,3.

8. Đối với khối lượng công trình lưới trung thế trong đề án Quy hoạch giai đoạn trước đã được phê duyệt nhưng chưa thực hiện được chuyển sang để tính toán, lập Quy hoạch trong giai đoạn tiếp theo, thì định mức chi phí được tính bằng định mức chi phí xây dựng mới tương ứng nhân với hệ số 0,3.

Điều 7. Định mức chi phí cho một số công việc liên quan đến quá trình lập, phê duyệt đề án Quy hoạch

1. Chi phí cho công tác lập nhiệm vụ Quy hoạch, thẩm định đề án Quy hoạch, quản lý và công bố Quy hoạch được tính theo tỷ lệ % giá trị dự toán chi phí lập Quy hoạch quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp khoảng cách chiều dài đường dây, tổng công suất máy biến áp và giá trị dự toán chi phí lập Quy hoạch (trước thuế) nằm ở giữa hai khoảng trị số đơn giá hoặc định mức, chi phí liên quan được xác định theo phương pháp nội suy.

Công thức tính nội suy như sau:

Giá trị X	X ₁	X	X ₂
Giá trị Y	Y ₁	Y	Y ₂



Trong đó:

a) Y: Định mức chi phí hoặc hệ số hiệu chỉnh liên quan theo quy mô cần tính. Đơn vị tính là % hoặc hệ số.

b) X: Quy mô của định mức chi phí hoặc hệ số điều chỉnh cần tính. Đơn vị tính theo quy mô chiều dài, hoặc công suất, hoặc giá trị.

c) X₁, X₂: Quy mô tương ứng theo cận dưới và cận trên của giá trị cần tính. Đơn vị tính theo quy mô chiều dài, hoặc công suất, hoặc giá trị.

d) Y₁, Y₂: Định mức chi phí hoặc hệ số hiệu chỉnh tương ứng với cận dưới và cận trên của giá trị cần tính. Đơn vị tính là phần trăm (%) hoặc hệ số.

Trường hợp có quy mô lớn hơn quy mô quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, chi phí lập Quy hoạch được xác định bằng cách lập dự toán chi phí.

Điều 8. Định mức chi phí điều chỉnh Quy hoạch

1. Trường hợp điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực không theo chu kỳ (điều chỉnh quy hoạch cục bộ), chi phí điều chỉnh Quy hoạch được xác định bằng cách lập dự toán, trên cơ sở nội dung công việc, quy mô, thông số chính của dự án cần điều chỉnh, nhiệm vụ Quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và định mức chi phí Quy hoạch quy định tại Thông tư này.

2. Đối với trường hợp điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực theo chu kỳ 5 năm (điều chỉnh quy hoạch tổng thể), chi phí điều chỉnh Quy hoạch được xác định bằng cách lập dự toán theo nguyên tắc:

a) Điều chỉnh hợp phần Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110 kV theo chu kỳ 5 năm (Hợp phần 1): tối đa không vượt quá 50% của chi phí lập đề án Quy hoạch mới theo khối lượng xây dựng các năm còn lại của giai đoạn Quy hoạch và định mức chi phí Quy hoạch tương ứng quy định tại Thông tư này.

b) Điều chỉnh hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110 kV theo chu kỳ 5 năm (Hợp phần 2): tối đa không vượt quá 40% của chi phí lập đề án Quy hoạch mới theo khối lượng xây dựng các năm còn lại của giai đoạn Quy hoạch và định mức chi phí Quy hoạch tương ứng quy định tại Thông tư này.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Quản lý chi phí lập Quy hoạch

Chi phí thuê tư vấn lập đề án Quy hoạch được xác định trên cơ sở kết quả đấu thầu và quản lý thông qua hợp đồng tư vấn. Nội dung hợp đồng tư vấn lập đề án Quy hoạch phải tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp đồng có liên quan.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

- Đối với các đề án Quy hoạch đã ký kết hợp đồng trước ngày Thông tư này có hiệu lực, việc thanh toán, quyết toán chi phí lập Quy hoạch phải căn cứ theo nội dung của hợp đồng đã ký kết. Trường hợp nội dung hợp đồng có thỏa thuận được điều chỉnh giá khi Nhà nước thay đổi định mức chi phí Quy hoạch, các bên liên quan cần xác định cụ thể khối lượng công việc chưa hoàn thành để điều chỉnh phù hợp với quy định tại Thông tư này.
- Trường hợp các đề án lập Quy hoạch đã phê duyệt kết quả đấu thầu nhưng chưa ký kết hợp đồng, cấp có thẩm quyền phê duyệt chi phí lập đề án Quy hoạch quyết định việc áp dụng theo các quy định tại Thông tư này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2015, thay thế Quyết định số [3836/2005/QĐ-BCN](#) ngày 22 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc ban hành Đơn giá quy hoạch phát triển điện lực./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Viện Kiểm soát nhân dân tối cao;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- SCT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Công báo;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PC, TCNL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Quốc Vương

PHỤ LỤC I

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ LẬP QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC TỈNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-BCT ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Loại công trình	Đơn vị tính	Lập quy hoạch theo hợp phần 1	Lập quy hoạch theo hợp phần 2
I	Trạm biến áp	đ/kVA		
1	Trung áp		3.454	7.254
2	110 kV		2.333	-
3	220 kV		948	-
II	Đường dây	đ/km		
1	0,4 kV		-	100.544
2	Trung áp		359.632	755.227
3	110 kV		2.283.389	-
4	220 kV		1.729.865	-

Ghi chú: Đối với 2 thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, định mức chi phí tính cho phần lưới điện trung áp (gồm cả trạm biến áp và đường dây) được áp dụng như sau:

- Lập quy hoạch theo hợp phần 1: Định mức chi phí trên nhân với hệ số 1,5
- Lập quy hoạch theo hợp phần 2: Định mức chi phí trên nhân với hệ số 0,78.

PHỤ LỤC II

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN THỦY ĐIỆN VỪA VÀ NHỎ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-BCT ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	$N_{lm}(MW)$	Định mức (10^3 đ/MW)
1	$0,1 \leq N_{lm} \leq 1$	37.700
2	$1 < N_{lm} \leq 2$	34.100
3	$2 < N_{lm} \leq 3$	30.500
4	$3 < N_{lm} \leq 5$	26.000
5	$5 < N_{lm} \leq 10$	22.400
6	$10 < N_{lm} \leq 15$	18.900
7	$15 < N_{lm} \leq 20$	15.300
8	$20 < N_{lm} \leq 25$	13.500
9	$25 < N_{lm} \leq 50$	11.600

PHỤ LỤC III

CÁC HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH ĐỊNH MỨC CHI PHÍ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-BCT ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Hệ số điều chỉnh định mức chi phí quy hoạch đường dây điện

Tổng chiều dài đường dây (km)	≤ 20	≤ 50	≤ 200	> 200
Hệ số điều chỉnh	1	0,9	0,8	0,7

2. Hệ số điều chỉnh định mức chi phí quy hoạch trạm biến áp trung áp

Tổng công suất TBA (MVA)	≤ 200	≤ 500	≤ 1000	> 1000
Hệ số điều chỉnh	1	0,9	0,8	0,7

PHỤ LỤC IV

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ CHO MỘT SỐ CÔNG VIỆC XÁC ĐỊNH THEO TỶ LỆ PHẦN TRĂM CỦA CHI PHÍ LẬP ĐỀ ÁN QUY HOẠCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-BCT ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: %

TT	G (tr.đ):	≤ 200	500	700	1000	2000	≥ 5000
1	Lập nhiệm vụ, đề cương đề án quy hoạch	4,0	3,6	3,0	2,0	1,8	1,5
2	Thẩm định đề án quy hoạch	5,5	4,0	3,6	3,0	2,5	2,2
3	Quản lý và công bố quy hoạch	5,0	4,0	3,6	3,0	2,0	1,8

Ghi chú:

- G (tr.đ): Dự toán chi phí của đề án lập quy hoạch được xác định theo nội dung Điều 5 và các hệ số điều chỉnh quy định tại Thông tư này (triệu đồng) trước thuế.

- Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ, đề cương đề án quy hoạch.

- Chi phí thẩm định đề án quy hoạch theo định mức tại Phụ lục này chưa bao gồm chi phí cho công việc khảo sát thực địa phục vụ việc thẩm định đề án quy hoạch (nếu có). Trường hợp phải đi khảo sát thực địa phục vụ công tác thẩm định đề án quy hoạch thì cơ quan quản lý quy hoạch lập dự toán để bổ sung chi phí thẩm định đề án quy hoạch.

PHỤ LỤC V

XÁC ĐỊNH HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH MỨC LƯƠNG CƠ SỞ (HỆ SỐ K)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 30/2015/TT-BCT ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

1. Tại thời điểm ban hành Thông tư này hệ số điều chỉnh mức lương cơ sở K = 1 (tương ứng mức lương cơ sở là 1.150.000 đồng/tháng theo quy định tại Nghị định số [66/2013/NĐ-CP](#) ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công

chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

2. Trường hợp mức lương cơ sở thay đổi theo quy định pháp luật, hệ số điều chỉnh theo mức lương cơ sở K được tính như sau:

$$K = 0,7 \times k_l + 0,3$$

Trong đó k_l là hệ số thay đổi mức lương cơ sở = Mức lương cơ sở thay đổi tương ứng tại thời điểm tính toán chia cho mức lương cơ sở tương ứng tại Thông tư này là 1.150.000 đồng/tháng.